

1. Về cơ sở vật chất

a) Tổng diện tích đất sử dụng: 8000 m²

b) Diện tích xây dựng: 8184,5m².

TT	Tên công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ	05	240
1	Phòng Đào tạo	01	40
2	Phòng Hành chính	01	45
3	Phòng Hiệu trưởng	01	40
4	Phòng TTHĐGDTH	01	40
5	Phòng Tuyển sinh	01	75
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quân lý, nhà giáo và học sinh, sinh viên		3626,5
1	Hội trường	01	200
2	Thư viện	01	60
3	Ký túc xá	06	312
4	Nhà để xe	01	200
5	Khu giáo dục thể chất	01	2.300
6	Phòng Hội đồng	01	52
7	Phòng Y tế	01	25,5
8	Nhà ăn	01	162
9	Căng tin	01	200
10	Khu vệ sinh của hssv	02	100
11	Nhà Bảo vệ	01	15

III	Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm		4318
1	Phòng học lý thuyết	26	2600
2	Phòng, xưởng thực hành, thực tập	8	800
3	Vườn dược liệu (17x54)	01	918
	TỔNG CỘNG		

2. Về thiết bị, dụng cụ đào tạo của các ngành, nghề

a) Đối với các ngành, nghề đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu: Đơn vị báo cáo theo danh mục thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có và so sánh với yêu cầu về thiết bị đào tạo tối thiểu.

Nhà trường đã có Quyết định số 119/QĐ-CDPĐ ngày 29/12/2023 về việc ban hành danh mục cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ đào tạo các ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp năm 2023. Quyết định số 131D/QĐ-CDPĐ ngày 14/10/2025 về việc ban hành danh mục cơ sở vật chất, thiết bị, dụng cụ đào tạo các ngành/ngành trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.

3. Về cán bộ quản lý, nhà giáo

TT	Ban giám hiệu, ban giám đốc; phòng, khoa, tổ bộ môn	Số lượng cán bộ quản lý	Số lượng nhà giáo		Tổng cộng
			Cơ hữu	Thỉnh giảng	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	$g=c+d+e$
1	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	1			1
2	Phòng Hành chính-Tổng hợp	4			4
3	Phòng Đào tạo-HSSV	1			4
4	Phòng Tuyển sinh	2			2
5	Trung tâm Hoạt động Giáo dục tổng hợp	2			2
6	Khoa Y-Dược	2	18	110	130

7	Khoa Kinh tế-Kỹ thuật	2	25	79	106
8	Khoa Cơ bản	1	6	29	36
	TỔNG CỘNG	15	49	218	282

(Trong đó kiêm nhiệm: 24)

- Tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

4. Về chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo

- Đã xây dựng, thẩm định, ban hành: 69 chương trình đào tạo, trong đó:

+ Trình độ cao đẳng: 32 chương trình, gồm các ngành, nghề: Dược; Điều dưỡng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Văn thư – lưu trữ; Y sỹ đa khoa; Y học cổ truyền; Công nghệ ô tô.

+ Trình độ trung cấp: 23 chương trình, gồm các ngành, nghề: Chế biến và bảo quản thủy sản; Dịch vụ pháp lý; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Nghiệp vụ lễ tân; Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn; Văn thư hành chính; Xây dựng cầu đường; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Điện công nghiệp và dân dụng; Tin học ứng dụng; Cấp, thoát nước; Kinh doanh vận tải đường bộ.

+ Trình độ sơ cấp: 11 chương trình, gồm các ngành, nghề: Chăm sóc người cao tuổi; Xoa bóp bấm huyệt – Vật lý trị liệu; Hộ lý; Nghiệp vụ cấp dưỡng; Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và thú y; Kế toán tổng hợp; Kinh doanh vận tải đường bộ; Bảo trì và sửa chữa máy may; May thời trang; Điện dân dụng; Điện công nghiệp.

+ Đào tạo dưới 03 tháng: 03 chương trình, gồm các ngành, nghề Cập nhật kiến thức chuyên môn Dược; Y tế cơ sở giáo dục; Y tế cơ quan, doanh nghiệp.

- Đã chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo, trong đó:

+ Trình độ cao đẳng: 28 chương trình, gồm các ngành, nghề: Dược; Điều dưỡng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng.

+ Trình độ trung cấp: 22 chương trình, gồm các ngành, nghề: Chế biến và bảo quản thủy sản; Dịch vụ pháp lý; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Nghiệp vụ lễ tân; Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn; Văn thư hành chính; Xây dựng cầu đường; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Điện công nghiệp và dân dụng; Tin học ứng dụng; Cấp, thoát nước.

+ Trình độ sơ cấp: 0 chương trình, gồm các ngành, nghề...

+ Đào tạo dưới 03 tháng: 01 chương trình, gồm các ngành, nghề Cập nhật kiến thức chuyên môn Dược.

- Đã xây dựng, thẩm định, ban hành 07 chương trình đào tạo liên thông, trong đó:

+ Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng: 07 chương trình, gồm các ngành, nghề: Dược; Điều dưỡng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử; Công nghệ kỹ thuật xây dựng.

+ Chương trình đào tạo liên thông từ trình độ sơ cấp lên trình độ trung cấp: 0 chương trình, gồm các ngành, nghề...

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

b) Về giáo trình đào tạo

- Số giáo trình đào tạo đã xây dựng, ban hành: 0 giáo trình

- Số giáo trình đào tạo lựa chọn sử dụng do cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác ban hành: Trường thực hiện theo Quyết định số 86A/QĐ-CĐPD ngày 03/7/2025 về việc ban hành và lựa chọn giáo trình đào tạo đối với các ngành/ngành trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng – Tháng 7 năm 2025; Quyết định số 131C/QĐ-CĐPD ngày 14/10/2025 về việc ban hành và lựa chọn giáo trình đào tạo đối với các ngành/ngành trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng – Tháng 10 năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).